UBND PHƯỜNG HOA LƯ
TRƯỜNG MẦM NON BÍCH ĐÀO

Số: 73/QĐ-MNBĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoa Lư, ngày 12 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán các khoản thu dịch vụ hỗ trợ phục vụ hoạt động giáo dục năm học 2026-2027 của Trường mầm non Bích Đào

Căn cứ Quyết định số 115/2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của UBND tỉnh Ninh Bình quyết định quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ Công văn số 3903/SGDĐT-TC ngày 23/09/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong cơ sở giáo dục công lập năm học 2026-2027;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường mầm non Bích Đào.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai kế hoạch, dự toán thu- chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2026-2027 của trường mầm non Bích Đào (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận chuyên môn thuộc Trường Mầm non Bích Đào, và bộ phận kế toán Trường mầm non Bích Đào tổ chức thực hiện Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG HOA LƯ T. NINH BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON BÍCH ĐÀO

Đỗ Thị Thanh Hòa

UBND PHƯỜNG HOA LƯ
TRƯỜNG MẦM NON BÍCH ĐÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 34/KH-TMN

Hoa Lư, ngày 12 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện các khoản thu dịch vụ hỗ trợ, phục vụ hoạt động giáo dục Năm học 2026-2027

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 66/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 115/2026/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là Quyết định số 115/2026/QĐ-UBND)

Căn cứ Công văn số 3903/SGDĐT-TCngày 23/9/2026 của Sở DG ĐT tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2026 – 2027;

Căn cứ vào tình hình của địa phương, thực tế thu, chi và hoạt động của nhà trường năm trước và phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027;

Trường Mầm non Bích Đào xây dựng Kế thực hiện các khoản thu, chi năm học 2026-2027 như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Xây dựng kế hoạch làm cơ sở triển khai thỏa thuận, thống nhất các khoản thu, các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong năm học 2026-2027 nhằm thực hiện một số nhiệm vụ thay cha mẹ học sinh nuôi dưỡng, giáo dục học sinh tại trường.

2. Kế hoạch phải đảm bảo sự thỏa thuận, thống nhất giữa nhà trường và cha mẹ học sinh về chủ trương, mức thu, nội dung chi theo đúng quy định.

3. Kế hoạch phải xác định rõ nội dung và dự toán mức thu-chi cụ thể cho từng nội dung, đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù đắp các chi phí; không để sảy ra thất thoát, lãng phí.

II. Nội Dung

1. Học phí

Thực hiện nghiêm túc Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí họctập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 66/2026/NĐ-CP;

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí (*Danh mục các khoản thu được thực hiện theo quy định tại* Quyết định số 115/2026/QĐ-UBND*; Có dự toán thu- chi kèm theo)*.

2.1 Dịch vụ ăn uống bán trú:

2.1.1. Dịch vụ phục vụ ăn (bao gồm tiền ăn, chất đốt và phụ chi khác):

- Mức thu 30.000đ/trẻ/ngày (Thời gian thực hiện thu: Bắt đầu từ tháng 10/2026; Phụ huynh thanh toán tiền ăn cho trẻ qua tài khoản ngân hàng từ ngày 01 đến trước ngày 07 hàng tháng, nhà trường sẽ cung cấp mã từng học sinh).

- Nội dung chi

+Tiền ăn: Chi mua thực phẩm nấu ăn hàng ngày cho trẻ theo thực đơn (2 bữa ăn chính và 1 bữa ăn phụ)

+ Tiền chất đốt: Mua ga hàng tháng phục vụ nhu cầu nấu ăn cho trẻ.

+ Chi khác: Mua nước rửa bát phục vụ cho bếp ăn bán trú;

2.1.2. Dịch vụ quản lý học sinh bán trú:

- Mức thu: 6.000đ/học sinh/ngày

- Nội dung chi: Chi trả tiền công trực trưa cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên được phân công.

2.1.3. Dịch vụ nấu ăn:

- Mức thu: 120.000đ/tháng

- Nội dung chi: Chi trả tiền công và các khoản đóng góp (nếu có) cho nhân viên nấu ăn tại các cơ sở giáo dục tổ chức nuôi ăn bán trú.

2.1.4. Dịch vụ cung cấp thiết bị, đồ dùng phục vụ bán trú:

- Mức thu: + 300.000đ/học sinh/lần Thu lần đầu tuyển mới vào trường;

+ 100.000đ/học sinh/năm Thu bổ sung hằng năm

- Nội dung chi:

+ Thu lần đầu tuyển mới vào trường (đầu cấp): Chi phí mua sắm đồ dùng, dụng cụ nhà bếp phục vụ nấu ăn; chi phí mua đồ dùng cá nhân cho trẻ em, học sinh bán trú.

+ Thu bổ sung hằng năm để đầu tư thay thế dụng cụ, đồ dùng nhà bếp, đồ dùng cá nhân cho trẻ em, học sinh bán trú

2.2. Dịch vụ tăng cường, rèn kỹ năng, làm quen, dạy tự chọn: ngoại ngữ Tiến Anh (ngoài giờ học chính khóa). Giáo viên người nước ngoài 30.000/1 tiết/ 8 tiết /tháng (Đăng ký theo nhu cầu; phụ huynh nộp học phí trực tiếp về cho trung tâm ngoại ngữ).

2.3. Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác

2.3.1. Dịch vụ vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh:

- Mức thu: 30.000đ/Học sinh/tháng

- Nội dung chi: Bao gồm các chi phí thực tế tiền công hợp đồng thuê người quét dọn, vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh; chi phí mua sắm đồ dùng, dụng cụ vệ sinh; sửa chữa, thay thế thiết bị vệ sinh, hệ thống điện nước khu vệ sinh học sinh và các chi phí khác có liên quan.

2.3.2. Dịch vụ nước cho học sinh

Mức thu; 20.000đ/Học sinh/tháng.

Nội dung chi: Bao gồm nước uống (dịch vụ ăn uống) và nước sinh hoạt phục vụ tổ chức ăn bán trú. Dịch vụ nước uống dùng để chi trả tiền mua nước sạch để uống, thực hiện bảo dưỡng hệ thống nước lọc (đối với trường đã được đầu tư hệ thống nước uống sạch), dụng cụ uống nước và thuê người phục vụ uống nước. Dịch vụ nước sinh hoạt để chi trả tiền nước sinh hoạt hằng ngày khi tổ chức ăn bán trú tại trường.

2.3.3. Dịch vụ làm mát điều hoà, cung cấp nước nóng (nóng lạnh):

Mức thu: 30.000đ/ Học sinh/ tháng.

2.2. Các khoản thu khác

- Bảo việt học sinh: Đây là khoản thu tự nguyện. Nhà trường tạo điều kiện và phối hợp với các tổ chức bảo hiểm triển khai thực hiện công tác Bảo việt cho học sinh.

2.3. Quỹ hội cha mẹ học sinh: Căn cứ Thông tư 55/2011/TT- BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Điều lệ Ban đại diện CMHS. Trên tinh thần tự nguyện ủng hộ, không quy định mức ủng hộ.

III. Phương thức thu

100% các khoản khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục sẽ được thực hiện qua phương thức chuyển khoản không dùng tiền mặt. Phụ huynh chuyển khoản tới tài khoản của trường theo thông tin tài khoản nhận chi tiết:

IV.Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

- Quán triệt và phổ biến đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thu - chi của cấp có thẩm quyền tới cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh nhà trường; niêm yết công khai các văn bản chỉ đạo.

- Xây dựng kế hoạch thu-chi cho từng nội dung thu đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục,... làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể để đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, phù hợp với tình hình thực tế trong nhà trường năm học 2026-2027. Báo cáo với Đảng ủy-HĐND-UBND Phường Hoa Lư

- Tổ chức họp Ban chi ủy, chi bộ, họp Hội đồng trường, họp Đại diện cha mẹ học sinh các nhóm, lớp và họp Cha mẹ học sinh toàn trường để lấy ý kiến đóng góp và thống nhất về nội dung các khoản thu-chi trong nhà trường năm học 2026-2027.

- Chỉ đạo nhà trường nghiêm túc thực hiện chế độ công khai thu chi tài chính (nội dung, hình thức và thời điểm công khai) theo quy định hiện hành.

- Cùng các thành viên trong nhà trường thực hiện giám sát công tác thu - chi đúng quy định. Chịu trách nhiệm trước các cấp về nội dung thu chi của nhà trường.

- Lập đường dây nóng tiếp nhận thông tin phản ảnh của phụ huynh nếu nhóm lớp nào tự ý thu các khoản thu ngoài quy định và các khoản thu không thuộc trách nhiệm được giao

2. Trách nhiệm của Kế toán

- Phát hành biên lai, hóa đơn thu tiền đầy đủ, kịp thời, đúng quy định khi thu tiền người học; theo dõi, ghi chép sổ sách kế toán đầy đủ kịp thời và thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025, Luật Kế toán ngày 20/11/2015 và các văn bản quy định chế độ tài chính, kế toán hiện hành để thực hiện đúng nguyên tắc thu - chi theo đúng quy định.

- Lập hồ sơ thu - chi, kế hoạch dự toán thu - chi, thực hiện quản lý thu - chi của nhà trường năm học 2026-2027 đúng quy định.

- Thông báo các khoản thu - chi đã được duyệt tới cha mẹ học sinh. Thực hiện thu theo đúng quy định và kế hoạch.

- Thực hiện công khai thu - chi tài chính theo đúng các văn bản chỉ đạo.

- Triển khai, hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ trong nhà trường theo phương thức không dùng tiền mặt tới cha mẹ học sinh.

3. Trách nhiệm của Thủ quỹ

- Thực hiện đúng văn bản chỉ đạo hướng dẫn công tác thu - chi các cấp triển khai.

- Phối hợp với bộ phận kế toán thực hiện các khoản thu dịch vụ trong nhà trường với cha mẹ học sinh theo đúng quy định.

4. Trách nhiệm của giáo viên

- Nghiên cứu kĩ và triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo hướng dẫn về công tác thu - chi tới cha mẹ học sinh của lớp. Lấy ý kiến thỏa thuận của cha mẹ học sinh lớp về nội dung các khoản thu - chi trong nhà trường. Tổng hợp ý kiến của cha mẹ học sinh lớp sau khi họp phụ huynh học sinh, báo về Ban Giám hiệu.

- Thông báo rõ các khoản thu - chi theo quy định đã được phê duyệt tới cha mẹ học sinh.

- Tuyệt đối không được triển khai và không được phép thu các khoản thu không có trong quy định cũng như trong kế hoạch này. Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về các khoản thu của lớp trong năm học 2026-2027.

5. Trách nhiệm của cha mẹ học sinh

- Nắm rõ các văn bản chỉ đạo hướng dẫn các khoản thu-chi.

- Cha mẹ học sinh thống nhất thoả thuận các khoản thu-chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường,...; thực hiện đóng các khoản thu đã được phê duyệt theo đúng quy định, đảm bảo đúng thời gian quy định của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch thu-chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường, các khoản thu-chi đầu năm năm học 2026-2027. Nhà trường yêu cầu 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh nghiêm túc thực hiện, triển khai công tác thu-chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường, các khoản thu-chi đầu năm năm học 2026-2027 đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy, HĐND, UBND p.Hoa Lư (để b/c)
- CBGVNV trường Mn Bích Đào (để t/h);
- Ban ĐDCMHS trường MN Bích Đào (để phối hợp);
- Lưu: VT; HS tài chính, HS công khai.

Hoa Lư, ngày 12 tháng 10 năm 2026

TM. NHÀ TRƯỜNG

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG HOA LƯ T. NINH BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON BÍCH ĐÀO

Đỗ Thị Thanh Hòa

DỰ TOÁN THU-CHI

Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Năm học 2026 – 2027

(kèm theo Kế hoạch số 34/KH-TMN, ngày 12/10/2026 của Trường Mầm non Bích Đào)

TT	Nội dung	Số tiền
	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC	
I	**Dự toán thu - chi: Gồm trường chính và 3 phân hiệu.**	
1	***Dịch vụ ăn uống bán trú đối với trẻ mầm non: 30.000đ/trẻ/ngày***	
	*** Tổng thu:** 30.000đ/trẻ/ngày (Bao gồm tiền ăn, tiền chất đốt và các chi phí liên quan)	
	*** Tổng chi:**	
	- Chi tiền mua thực phẩm chế biến món ăn 3 bữa/ngày, tính cân đối các chất trên phần mềm PMS theo thực đơn.	28.500
	- Chi tiền chất đốt, và các chi phí khác có liên quan: Mua ga nấu ăn, nước rửa bát, phí chuyển tiền ngân hàng theo từng giao dịch.	1.500
2	***Dịch vụ quản lý học sinh bán trú: 6.000đ/trẻ/Ngày (thu theo số ngày thực học)***	
	**** Tổng thu** : 800 cháu x 6.000đ/trẻ/ngày x 20 ngày (Số ngày thực học 1 tháng) x 9 tháng*	***864.000.000***
	**** Tổng chi:***	***864.000.000***
	- Chi trả tiền công trực trưa cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên được phân công trong năm học.	864.000.000
3	***Dịch vụ nấu ăn bán trú: 120.000đ/trẻ/tháng***	
	**** Tổng thu** : 866 cháu x 120.000đ/trẻ/tháng x 9 tháng*	**935.280.000**
	**** Tổng chi:***	**935.280.000**
	Chi tiền hỗ trợ đóng BHXH cho nhân viên nấu ăn:(Mức LCB căn cứ đóng 4,730,000đ x 21,5% x 15 người x 9 tháng)	
	Chi trả tiền công cho nhân viên nấu ăn; (15 người x 9 tháng).	917.280.000
	Chi tiền phụ cấp bếp trưởng: 04 người x 500.000đ/ người/tháng x 9 tháng.	18.000.000
4	***Dịch vụ cung cấp thiết bị, đồ dùng phục vụ học sinh bán trú***	**128.600.000**
	**** Tổng thu** : Tuyển mới: 210 cháu x 300.000đ/cháu/năm*	***63.000.000***

	Thu bổ sung hàng năm: 656 cháu x 100.000 đ/cháu/năm	***65.600.000***
	**** Tổng chi:***	**128.600.000**
	- Chi mua đồ dùng cá nhân	***79.469.000***
	Chi mua khăn mặt: 866 cháu x 2 chiếc x 30.000đ/ chiếc	51.960.000
	Thêu khăn mặt: 866 chiếc x 2 chiếc x 7.000đ/chiếc	12.124.000
	Khăn ăn: 15 cái/ năm x 41 lớp x 10.000đ/chiếc	6.150.000
	Khăn lau tay móc treo: 1 chiếc/năm x (41 lớp + 4 bếp) x 25.000 đ/chiếc	1.125.000
	Chiếu nhựa bổ xung 30 cái x 120.000đ/cái	3.600.000
	Mua bổ sung đĩa Inox nhỡ: 48 cái x 15.000đ/cái	720.000
	Bổ sung cốc inox: 28 cái x 10.000đ/chiếc	280.000
	Mua bổ sung yến ăn: 50 cái x 25.000 đ/cái	1.250.000
	Mua chậu nhựa giặt: 15 chiếc x 50.000đ/ chiếc	750.000
	Mua bổ sung bô nhựa: 4 chiếc x 30.000đ/ chiếc	120.000
	Mua bổ sung xô nhựa 13 cái x 55.000đ/chiếc	715.000
	Mua bổ sung gáo nhựa: 11 cái x 25.000đ/chiếc	275.000
	Mua bổ sung giá để dép: 01 chiếc x 150.000đ/chiếc	150.000
	Mua bổ sung giá để bình nước: 01 chiếc x 250.000đ/chiếc	250.000
	- Chi mua sắm đồ dùng, dụng cụ nhà bếp phục vụ nấu ăn	***49.018.000***
	Bổ sung bát ăn inox: 100 cái x 15.000đ/cái	1.500.000
	Bổ sung tô inox: 65 cái x 50.000đ/cái	325.000
	Bổ sung thìa inox: 110 cái x 10.000đ/cái	1.100.000
	Bổ sung môi canh inox: 20 cái x 30.000đ/cái	600.000
	Bổ sung môi cơm inox 25 cái x 20.000đ/cái	500.000
	Khay ăn inox cho trẻ: 300 cái x 95.000đ/cái	26.600.000
	Gáo múc nước inox cán dài: 2 cái x 100.000đ/cái	200.000
	Dao thái: 17 cái x 180.000đ/cái	3.060.000
	Dao chặt: 02 cái x 295.000đ/cái	590.000
	Thớt gỗ: 10 cái x 600.000đ/cái	6.000.000
	Mua chậu nhựa to: 14 chiếc x 130.000đ/cái	1.820.000
	Lọ thủy tinh lưu mẫu: 30 cái x 30.000đ/cái	900.000
	Bối rửa bát: 20 cái x 10.000đ/cái	200.000
	Bối inox rửa xoong: 20 cái x 15.000 đ/cái	300.000
	Mua bổ sung rổ nhựa to: 8 chiếc x 50.000đ/ chiếc	400.000
	Mua chậu nhựa to: 5chiếc x 130.000đ/chiếc	650.000
	Mua giá để thớt: 1 cái x 150.000đ/cái	150.000

	Xô inox: 1 cái x 55000đ/cái	55.000
	Dao nạo vỏ: 6 cái x 10.000đ/cái	60.000
	Dao nạo sợi: 6 cái x 30.000đ/cái	180.000
	Dép đi trong bếp: 8 đôi x 25.000đ/đôi	200.000
	Ủng cho nhân viên bếp 01 đôi/năm x 80.000đ x 15 người	1.200.000
	Găng tay túi bóng nhà bếp: 4 hộp/tháng x 4 bếp x 12.000đ/ hộpx 9 tháng	1.728.000
	Xoong inox 50 lít: 1 cái x 700.00đ	700.000
	- Chi phí chuyển khoản thanh toán cho các nhà cung cấp	**113.000**
5	**Vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh: 30.000đ/trẻ/tháng**	
	**** Tổng thu** : 866 cháu x 30.000đ/tháng x 9 tháng*	***233.820.000***
	**** Tổng chi***	***233.820.000***
	Chi mua giấy vệ sinh: 41 lớp x 2 bịch/tháng/lớp x 9 tháng x 70.000đ/bịch	51.660.000
	Chi mua nước lau nhà các lớp:1chai/tháng x (41 lớp + 4 bếp) x 9 tháng x 40.000đ/chai	16.200.000
	Chi mua xà phòng giặt omo: 1gói/tháng x (41 lớp + 4 bếp) x 9 tháng x 50.000đ/gói (1,5 kg)	20.250.000
	Chi mua nước rửa tay, bánh xà phòng Lifebouy 180g: (41 lớp + 4 bếp) x 04 chai/tháng x 35.000 đ/chai x 9 tháng	56.700.000
	Chi mua Vim tẩy nhà vệ sinh: 1 chai/tháng x (41 lớp + 4 bếp) x 40.000đ/chai	16.200.000
	Chi mua bộ chổi lau nhà: 1bộ/năm x (41 lớp + 4 bếp) x 450.000 đ/bộ	20.250.000
	Cây lau nhà công nghiệp: 1 chiếc/năm x (41 lớp + 4 bếp) x 150.000 đ/cái	6.750.000
	Chổi đót: 2 chiếc/năm x (41 lớp +4 bếp) x 45.000đ/chiếc	4.050.000
	Chuổi quét trần nhà: 2 chiếc/ năm x 4 phân hiệu x 55.000đ/chiếc	440.000
	Chuổi rễ: 4 chiếc/năm x 4 phân hiệu x 50.000đ/chiếc	800.000
	Chuổi gạt nước: 1 chiếc/năm x (41 lớp +4 bếp) x 55.000đ/chiếc	2.475.000
	Thảm lau chân: 3 cái/lớp x (41 lớp +4 bếp) x 60.000đ/ cái	8.100.000
	Găng tay cao su: (3 đôi/ năm/ lớp x 41 lớp) +(bếp 20 đôi/năm x 4 bếp) lớp x 30.000đ/đôi	6.090.000
	Bàn chải giặt chiếu: 2 chiếc/năm x (41 lớp + 4 bếp) x 35.000đ/chiếc	3.150.000
	Chổi cọ vệ sinh: 1 cái/ năm x 41 lớp x 35.000đ cái	1.435.000
	Hót rác cán dài: 1 cái/năm x (41 lớp + 4 bếp) x 46.000đ/cái	2.070.000
	Chi mua chổi cước: 1 chiếc/năm x (41 lớp + 4 bếp) x 50.000đ/chiếc	2.250.000
	Túi bóng đựng rác 10kg: 1kg/tháng x (41 lớp + 4 bếp) x 9 tháng x 60.000/kg	2.700.000

	Gang tay túi bóng: 1h/tháng x (41 lớp +4 bếp) x 9 tháng x 22.000/kg	540.000
	Mua bổ sung thùng rác: 18 cái x 180.000đ/chiếc	3.240.000
	Tẩy đa năng: 45 chai (41 lớp + 4 bếp) x 38.000đ/chaix 2 kỳ	3.420.000
	Khẩu trang y tế: 2h/năm x(41 lớp +4 bếp) x 55.000đ	4.950.000
	Chi phí chuyển khoản thanh toán cho các nhà cung cấp	100.000
6	**Dịch vụ nước cho trẻ: 20.000đ/trẻ/tháng**	
	**** Tổng thu** : 866 cháu x 20.000đ/cháu/tháng x 9 tháng*	***155.880.000***
	**** Tổng chi:***	***155.880.000***
	- Chi trả tiền nước sạch sinh hoạt, nước uống cho trường chính và 3 phân hiệu: 13.320.000đ x 9 tháng (Lắp hệ thống nước sạch có nóng, lạnh do công ty lắp đặt)	119.880.000
	Sữa chữa, bảo dưỡng hệ thống lọc nước, thay lõi lọc, cục lọc nước định kỳ, chi phí chuyển khoản cho công ty cung cấp nước sạch: 4.000.000đ x 9 tháng	36.000.000
7	**Dịch vụ làm mát bằng điều hoà, cung cấp nước nóng (nóng lạnh): 30.000đ/trẻ/tháng**	
	**** Tổng thu** : 866 cháu x 30.000đ/cháu /tháng x 9 tháng*	***233.820.000***
	**** Tổng chi:***	***233.820.000***
	Chi trả tiền điện sinh hoạt phân hiệu chính: 9.480.000đ/tháng x 9 tháng	85.320.000
	Chi trả tiền điện sinh hoạt của phân hiệu 1(Nam Bình): 5.500.000đ/tháng x9 tháng	49.500.000
	Chi trả tiền điện sinh hoạt của phân hiệu 2(Hoa Mai): 6.000.000đ/tháng x 9 tháng	54.000.000
	Chi trả tiền điện sinh hoạt của phân hiệu 3(Thanh Bình): 5.000.000đ/tháng x 9 tháng	45.000.000
	Phí chuyển tiền ngân hàng cho đơn vị cung cấp	66.000